VĂN BẢN HỢP NHẤT - BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ
Quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật xe đạp điện

Thông tư số 41/2013/TT-BGTVT ngày 05 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật xe đạp điện, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 11 năm 2013, được sửa đổi, bổ sung bởi:

1. Thông tư số 19/2014/TT-BGTVT ngày 28 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2009/TT-BGTVT ngày 15/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng, Thông tư số 44/2012/TT-BGTVT ngày 23/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe mô tô, xe gắn máy nhập khẩu và động cơ nhập khẩu sử dụng để sản xuất, lắp ráp xe mô tô, xe gắn máy và Thông tư số 41/2013/TT-BGTVT ngày 05/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật xe đạp điện, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2014.

2. Thông tư số 42/2018/TT-BGTVT ngày 30 tháng 7 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số Điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2018.

3. Thông tư số 16/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2022.

4. Thông tư số 49/2023/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ và xe đạp điện sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2024.

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ và Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam,

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật xe đạp điện[1].

---

[1] Thông tư số 19/2014/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2009/TT-BGTVT ngày 15/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng, Thông tư số 44/2012/TT-BGTVT ngày 23/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe mô tô, xe gắn máy nhập khẩu và động cơ nhập khẩu sử dụng để sản xuất, lắp ráp xe mô tô, xe gắn máy và Thông tư số 41/2013/TT-BGTVT ngày 05/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật xe đạp điện có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Nghị định số 187/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài;

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học - Công nghệ và Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2009/TT-BGTVT ngày 15/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng (sau đây viết tắt là Thông tư số 23/2009/TT-BGTVT), Thông tư số 44/2012/TT-BGTVT ngày 23/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe mô tô, xe gắn máy nhập khẩu và động cơ nhập khẩu sử dụng để sản xuất, lắp ráp xe mô tô, xe gắn máy (sau đây viết tắt là Thông tư số 44/2012/TT-BGTVT) và Thông tư số 41/2013/TT-BGTVT ngày 05/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật xe đạp điện (sau đây viết tắt là Thông tư số 41/2013/TT-BGTVT)."

Thông tư số 42/2018/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm có căn cứ ban hành như sau:

"*Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;*

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Bộ luật Hàng hải ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học - Công nghệ và Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số Điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm."

Thông tư số 16/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm có căn cứ ban hành như sau:

"*Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;*

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học - Công nghệ và Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm."

Thông tư số 49/2023/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ và xe đạp điện sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định việc kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật xe đạp điện sản xuất, lắp ráp trong nước và nhập khẩu.

2. Thông tư này không áp dụng đối với:

a) Xe đạp điện được sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

b) Xe đạp điện nhập khẩu, tạm nhập khẩu với số lượng 01 chiếc không nhằm mục đích thương mại.

c) Xe mô tô điện, xe gắn máy điện thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư số 44/2012/TT-BGTVT ngày 23 tháng 10 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe mô tô, xe gắn máy nhập khẩu và động cơ nhập khẩu sử dụng để sản xuất, lắp ráp xe mô tô, xe gắn máy và Thông tư số 45/2012/TT-BGTVT ngày 23 tháng 10 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong sản xuất, lắp ráp xe mô tô, xe gắn máy.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu, kinh doanh, kiểm tra, thử nghiệm, quản lý và chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật xe đạp điện.

Căn cứ Nghị định 13/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008, Nghị định 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Nghị định số 86/2012/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật đo lường;

Căn cứ Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số Điều của Luật Quản lý ngoại thương;

Căn cứ Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học - Công nghệ và Môi trường và Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ và xe đạp điện sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu."

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Xe đạp điện* (sau đây gọi chung là Xe) là Xe đạp hai bánh, được vận hành bằng động cơ điện một chiều hoặc được vận hành bằng cơ cấu đạp chân có trợ lực từ động cơ điện một chiều, có công suất động cơ lớn nhất không lớn hơn 250 W, có vận tốc thiết kế lớn nhất không lớn hơn 25 km/h và có khối lượng bản thân (bao gồm cả ắc quy) không lớn hơn 40 kg.

2. *Xe cùng kiểu loại* là các Xe của cùng một chủ sở hữu công nghiệp, cùng nhãn hiệu, thiết kế và các thông số kỹ thuật, được sản xuất trên cùng một dây chuyền công nghệ.

3. *Chứng nhận chất lượng kiểu loại Xe* là quá trình kiểm tra, thử nghiệm, xem xét, đánh giá và chứng nhận sự phù hợp của một kiểu loại Xe với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành về chất lượng an toàn kỹ thuật.

4. *Cơ quan quản lý chất lượng:* Cục Đăng kiểm Việt Nam trực thuộc Bộ Giao thông vận tải là Cơ quan quản lý nhà nước về chất lượng an toàn kỹ thuật đối với các Xe thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư này (sau đây gọi tắt là Cơ quan QLCL).

5. *Cơ sở thử nghiệm* là tổ chức có đủ điều kiện và được chỉ định để thực hiện việc thử nghiệm Xe theo các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan.

6. *Cơ sở sản xuất* là doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp Xe có đủ điều kiện cơ sở vật chất kỹ thuật theo quy định.

7. *Cơ sở nhập khẩu* là tổ chức, cá nhân thực hiện việc nhập khẩu Xe.

8. *Cơ sở kinh doanh* là tổ chức, cá nhân thực hiện việc phân phối Xe trên thị trường.

9. *Mẫu thử nghiệm* là mẫu điển hình do Cơ sở sản xuất tự lựa chọn hoặc mẫu do Cơ quan QLCL lấy ngẫu nhiên để thực hiện việc thử nghiệm.

10. *Xe bị lỗi kỹ thuật* là Xe có lỗi trong quá trình thiết kế, sản xuất, lắp ráp có khả năng gây nguy hiểm đến an toàn tính mạng và tài sản của người sử dụng cũng như gây ảnh hưởng xấu đến an toàn và môi trường của cộng đồng.

11. *Triệu hồi Xe* là việc Cơ sở sản xuất, nhập khẩu thu hồi các Xe thuộc lô, kiểu loại Xe bị lỗi kỹ thuật mà họ đã cung cấp ra thị trường nhằm sửa chữa, thay thế phụ tùng hay thay thế bằng Xe khác để ngăn ngừa các nguy hiểm có thể xảy ra do các lỗi trong quá trình thiết kế, sản xuất, lắp ráp Xe.

Chương II
QUY ĐỊNH VỀ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG AN TOÀN KỸ THUẬT

Điều 4. Thử nghiệm mẫu

1. Các yêu cầu an toàn kỹ thuật và phương pháp thử được quy định tại Quy chuẩn QCVN 68:2013/BGTVT *Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xe đạp điện*.

2. Cơ sở sản xuất, Cơ sở nhập khẩu có trách nhiệm chuyển mẫu thử nghiệm tới địa điểm thử nghiệm. Cơ sở thử nghiệm có trách nhiệm thử nghiệm mẫu theo đúng quy trình tương ứng với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; lập báo cáo kết quả thử nghiệm theo mẫu quy định và chịu trách nhiệm về các kết quả thử nghiệm của mình. Trong trường hợp cần thiết, Cơ quan QLCL trực tiếp giám sát việc thử nghiệm.

3. Quản lý mẫu thử nghiệm

a) Sau khi thử nghiệm và lập báo cáo kết quả thử nghiệm, Cơ sở thử nghiệm trả mẫu và báo cáo kết quả thử nghiệm cho Cơ sở sản xuất, Cơ sở nhập khẩu;

b) Cơ sở sản xuất phải thực hiện lưu mẫu điển hình không ít hơn 01 năm, kể từ ngày Cơ sở sản xuất không tiếp tục sản xuất, lắp ráp các Xe cùng kiểu loại. Cơ sở sản xuất có trách nhiệm quản lý mẫu điển hình sao cho không để ảnh hưởng của các yếu tố môi trường làm hư hỏng mẫu và có thể xuất trình khi có yêu cầu của Cơ quan QLCL.

Điều 5. Đăng ký chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật

1.[2] Hồ sơ đăng ký chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật Xe sản xuất, lắp ráp bao gồm:

a) Bản chính (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính) bản đăng ký thông số kỹ thuật xe theo mẫu quy định tại Phụ lục I kèm theo Thông tư này hoặc biểu mẫu điện tử bản đăng ký thông số kỹ thuật xe (đối với trường hợp nộp thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến);

b) Bản sao có xác nhận của cơ sở sản xuất (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính) hoặc bản sao điện tử (đối với trường hợp nộp thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến) báo cáo kết quả thử nghiệm xe của Cơ sở thử nghiệm;

---

[2] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Thông tư số 16/2022/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2022.

c)[3] ***(được bãi bỏ);***

d) Bản chính (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính) hoặc bản dạng điện tử (đối với trường hợp nộp thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến) bản cam kết của Cơ sở sản xuất về việc kiểu loại xe đề nghị chứng nhận không xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đang được bảo hộ và doanh nghiệp tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật nếu có xảy ra xâm phạm;

đ) Bản chính (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính) hoặc bản dạng điện tử (đối với trường hợp nộp thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến) bản mô tả nhãn hàng hóa, bao gồm: kích thước, nội dung và vị trí gắn trên xe. Nhãn hàng hóa phải thể hiện ít nhất các nội dung sau: Tên, địa chỉ Cơ sở sản xuất; nhãn hiệu; số loại; khối lượng bản thân; số người cho phép chở; công suất động cơ; số giấy chứng nhận kiểu loại được phê duyệt; năm sản xuất; xuất xứ.

2. Hồ sơ đăng ký kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật Xe nhập khẩu bao gồm:

a) Bản đăng ký kiểm tra chất lượng xe đạp điện nhập khẩu (sau đây gọi tắt là Bản đăng ký kiểm tra) theo mẫu quy định tại Phụ lục II kèm theo Thông tư này;

b)[4] ***(được bãi bỏ)***

c) Tài liệu giới thiệu tính năng kỹ thuật Xe của nhà sản xuất, trong đó thể hiện các thông số chủ yếu về: Kích thước, khối lượng, số người cho phép chở, vận tốc lớn nhất, cỡ lốp, công suất lớn nhất của động cơ, điện áp và dung lượng của ắc quy, khoảng cách chạy liên tục.

Trường hợp tài liệu giới thiệu tính năng kỹ thuật về Xe của nhà sản xuất chưa đủ nội dung quy định tại điểm c khoản này thì Cơ sở nhập khẩu sử dụng Bản đăng ký thông số kỹ thuật theo mẫu quy định tại Phụ lục I kèm theo Thông tư này.

Đối với các Xe cùng kiểu loại đã được Cơ quan QLCL kiểm tra và cấp Giấy chứng nhận chất lượng nhập khẩu thì được miễn Tài liệu giới thiệu tính năng kỹ thuật Xe của nhà sản xuất.

---

[3] Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Thông tư số 49/2023/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ và xe đạp điện sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2024.

[4] Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Thông tư số 42/2018/TT - BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2018.

d) Bản mô tả nhãn hàng hóa bao gồm kích thước, nội dung và vị trí gắn trên Xe. Nhãn hàng hóa phải thể hiện ít nhất các nội dung sau: Tên, địa chỉ Cơ sở sản xuất; Tên, địa chỉ Cơ sở nhập khẩu; nhãn hiệu; số loại; khối lượng bản thân; số người cho phép chở; công suất động cơ; năm sản xuất; xuất xứ.

Điều 6. Kiểm tra chất lượng Xe sản xuất, lắp ráp

Việc kiểm tra chất lượng đối với Xe sản xuất, lắp ráp được thực hiện trên cơ sở đánh giá điều kiện đảm bảo chất lượng tại Cơ sở sản xuất (sau đây gọi tắt là đánh giá COP).

1. Cơ sở sản xuất phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Có quy trình và hướng dẫn nghiệp vụ sản xuất, lắp ráp, kiểm tra chất lượng cho từng kiểu loại Xe từ khâu kiểm soát chất lượng linh kiện đầu vào, kiểm tra chất lượng trên từng công đoạn và xuất xưởng để đảm bảo các chỉ tiêu về an toàn và tính năng kỹ thuật của Xe;

b) Có đủ các thiết bị kiểm tra cần thiết cho từng công đoạn sản xuất phù hợp với quy trình sản xuất, lắp ráp đã đề ra;

c)[5] ***(được bãi bỏ).***

2. Nội dung đánh giá COP:

a) Quy trình và hướng dẫn nghiệp vụ sản xuất, lắp ráp và kiểm tra chất lượng: kiểm tra linh kiện đầu vào, kiểm tra trên từng công đoạn, kiểm tra xuất xưởng;

b) Trang thiết bị kiểm tra chất lượng;

c) Nguồn nhân lực thực hiện việc kiểm tra chất lượng.

3. Các hình thức đánh giá COP:

a) Đánh giá COP lần đầu được thực hiện khi cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật cho Xe;

b) Đánh giá COP hàng năm được thực hiện định kỳ hàng năm;

---

[5] Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 7 Điều 5 của Thông tư số 49/2023/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ và xe đạp điện sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2024.

c) Đánh giá COP đột xuất được thực hiện khi Cơ sở sản xuất có dấu hiệu vi phạm các quy định liên quan đến việc kiểm tra chất lượng hoặc khi có các khiếu nại về chất lượng Xe;

Đối với các kiểu loại Xe tương tự, không có sự thay đổi cơ bản về quy trình công nghệ sản xuất, lắp ráp và kiểm tra chất lượng Xe thì có thể sử dụng kết quả đánh giá COP trước đó.

Điều 7. Kiểm tra chất lượng Xe nhập khẩu

1. Phương thức và nội dung kiểm tra

a) Kiểm tra tổng quát tính đồng nhất của lô Xe;

b) Lấy mẫu ngẫu nhiên trong lô Xe, số lượng mẫu phụ thuộc vào số lượng Xe trong lô và được quy định như sau:

TT	Số lượng Xe cùng kiểu loại trong lô hàng (đơn vị: chiếc)	Số lượng mẫu kiểm tra, thử nghiệm (đơn vị: chiếc)
1	Đến 100	01
2	Từ 101 đến 500	02
3	Trên 500	03

c) Kiểm tra nhận dạng Xe mẫu;

d) Thử nghiệm Xe mẫu theo các nội dung quy định tại Điều 4 của Thông tư này;

đ) Đối với trường hợp số lượng mẫu lớn hơn 01, nếu có một mẫu không đạt yêu cầu thì coi như lô hàng đó không đạt yêu cầu.

2. Miễn thử nghiệm mẫu

Các trường hợp sau đây sẽ được miễn thử nghiệm mẫu:

a) Các Xe cùng kiểu loại đã được kiểm tra theo Hiệp định hoặc thỏa thuận công nhận lẫn nhau về tiêu chuẩn và sự phù hợp mà Việt Nam tham gia, ký kết;

b) Đối với Xe cùng kiểu loại do cùng một Cơ sở nhập khẩu đã được kiểm tra thử nghiệm, cấp chứng nhận chất lượng. Trường hợp lô Xe thuộc các đối tượng được miễn thử nghiệm mẫu nêu trên có dấu hiệu không bảo đảm chất lượng thì sẽ phải thực hiện việc thử nghiệm mẫu theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều này.

Điều 8. Cấp giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật

Việc cấp giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật Xe sản xuất, lắp ráp và giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật Xe nhập khẩu (sau đây gọi chung là Giấy chứng nhận) được thực hiện theo trình tự và cách thức như sau:

1. Đối với Xe sản xuất, lắp ráp

a)[6] Cơ sở sản xuất lập 01 bộ hồ sơ đăng ký chứng nhận chất lượng an toàn kiểu loại xe (hồ sơ đăng ký chứng nhận) theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Thông tư này và nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc qua hình thức phù hợp khác đến Cơ quan QLCL;

b)[7] Cơ quan QLCL tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ đăng ký chứng nhận. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì Cơ quan QLCL trả lại hồ sơ trong thời hạn 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc trả lại hồ sơ trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đối với hình thức nộp hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và hướng dẫn để Cơ sở sản xuất hoàn thiện. Trường hợp hồ sơ đầy đủ thành phần, Cơ quan QLCL tiếp nhận hồ sơ để thực hiện kiểm tra nội dung hồ sơ.

c)[8] Cơ quan QLCL thực hiện kiểm tra nội dung hồ sơ và kết quả đánh giá COP trong thời hạn 07 ngày làm việc. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, đánh giá hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định và có kết quả đánh giá COP đạt yêu, Cơ quan QLCL cấp Giấy chứng nhận theo mẫu tương ứng được quy định tại Phụ lục IIIa ban hành kèm theo Thông tư này. Nếu nội dung hồ sơ không hợp lệ, Cơ quan QLCL thông báo để Cơ sở sản xuất bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Trường hợp chưa có kết quả đánh giá COP, Cơ quan QLCL thông báo tới doanh nghiệp để thực hiện đánh giá COP theo quy định tại Điều 6 Thông tư này.

Trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày thông báo, doanh nghiệp có trách nhiệm hoàn thiện nội dung hồ sơ chưa phù hợp (bao gồm cả việc thực hiện đánh giá COP đối với trường hợp chưa có kết quả đánh giá COP) và gửi lại cho Cơ quan QLCL. Trong

---

[6] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 5 của Thông tư số 16/2022/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2022.

[7] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 5 của Thông tư số 49/2023/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ và xe đạp điện sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2024.

[8] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 5 của Thông tư số 49/2023/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ và xe đạp điện sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2024.

thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đã hoàn thiện đầy đủ và kết quả đánh giá COP, Cơ quan QLCL thực hiện kiểm tra nội dung hồ sơ và kết quả đánh giá COP. Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định và có kết quả đánh giá COP đạt yêu cầu, Cơ quan QLCL cấp Giấy chứng nhận theo mẫu tương ứng được quy định tại Phụ lục IIIa ban hành kèm theo Thông tư này trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, đánh giá hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định và có kết quả đánh giá COP đạt yêu cầu; nếu có nội dung không phù hợp, Cơ quan QLCL thông báo cho doanh nghiệp về việc không cấp Giấy chứng nhận và nêu rõ lý do. Trường hợp quá thời hạn 6 tháng kể từ ngày thông báo, doanh nghiệp không hoàn thiện các nội dung chưa phù hợp đã thông báo, Cơ quan QLCL sẽ dừng việc kiểm tra đánh giá hồ sơ hoặc đánh giá COP và thông báo bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến về việc không cấp Giấy chứng nhận. Để tiếp tục thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận, doanh nghiệp phải thực hiện nộp lại hồ sơ từ đầu.

d)[9] Cơ sở sản xuất nhận Giấy chứng nhận trực tiếp tại trụ sở Cơ quan QLCL hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc qua hình thức phù hợp khác.

2. Đối với Xe nhập khẩu

a)[10] Cơ sở nhập khẩu lập 01 bộ hồ sơ đăng ký kiểm tra theo quy định tại khoản 2 Điều 5 của Thông tư này và nộp cho Cơ quan QLCL bằng hình thức trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

b)[11] Cơ quan QLCL tiếp nhận và kiểm tra nội dung hồ sơ đăng ký kiểm tra, thông báo kết quả cho Cơ sở nhập khẩu trong thời hạn 01 ngày làm việc. Trường hợp hồ sơ đăng ký kiểm tra đầy đủ theo quy định thì Cơ quan QLCL xác nhận vào Bản đăng ký kiểm tra. Trường hợp hồ sơ đăng ký kiểm tra chưa đầy đủ theo quy định thì Cơ quan QLCL trả lại hồ sơ và hướng dẫn Cơ sở nhập khẩu bổ sung, hoàn thiện lại.

Cơ quan QLCL thống nhất với Cơ sở nhập khẩu về thời gian và địa điểm kiểm tra. Thời gian kiểm tra không quá 03 ngày làm việc so với ngày đề nghị kiểm tra của Cơ sở nhập khẩu.

---

[9] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 5 của Thông tư số 16/2022/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2022.

[10] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 5 của Thông tư số 16/2022/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2022.

[11] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 5 của Thông tư số 16/2022/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2022.

c)[12] Cơ quan QLCL tiến hành kiểm tra và xem xét kết quả thử nghiệm Xe theo quy định tại Điều 7 Thông tư này. Trong thời hạn 4 ngày làm việc kể từ ngày kiểm tra và bổ sung đầy đủ tài liệu theo quy định, Cơ quan QLCL cấp Giấy chứng nhận theo mẫu quy định tại Phụ lục IIIb ban hành kèm theo Thông tư này nếu kết quả kiểm tra, thử nghiệm đạt yêu cầu; cấp Thông báo không đạt chất lượng nhập khẩu theo mẫu quy định tại Phụ lục IIIc kèm theo Thông tư này nếu kết quả kiểm tra, thử nghiệm không đạt yêu cầu.

d)[13] Trường hợp Xe nhập khẩu là loại đã qua sử dụng, Cơ quan QLCL xử lý như sau: Dừng các thủ tục kiểm tra, chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe đạp điện nhập khẩu và lập biên bản ghi nhận về tình trạng Xe nhập khẩu vi phạm quy định tại Nghị định số 187/2013/NĐ-CP theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này.

Trong thời gian không quá 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày có biên bản ghi nhận vi phạm, Cơ quan QLCL thông báo bằng văn bản tới tổ chức, cá nhân nhập khẩu và Cơ quan hải quan (nơi làm thủ tục nhập khẩu) để giải quyết theo quy định.

đ)[14] Trường hợp các xe nhập khẩu bị hư hại trong quá trình vận chuyển từ nước ngoài về Việt Nam thì cơ sở nhập khẩu được phép khắc phục các hạng mục

---

[12] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 5 của Thông tư số 49/2023/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ và xe đạp điện sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2024.

[13] Điểm này được bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 3 của Thông tư số 19/2014/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2009/TT-BGTVT ngày 15/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng, Thông tư số 44/2012/TT- BGTVT ngày 23/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe mô tô, xe gắn máy nhập khẩu và động cơ nhập khẩu sử dụng để sản xuất, lắp ráp xe mô tô, xe gắn máy và Thông tư số 41/2013/TT-BGTVT ngày 05/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật xe đạp điện, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2014.

[14] Điểm này được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 5 của Thông tư số 49/2023/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ và xe đạp điện sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2024

như sau: lớp sơn bị trầy xước hoặc ô xi hóa cục bộ nhưng không bị mọt, thủng; gương chiếu hậu nứt, vỡ; hệ thống đèn chiếu sáng, tín hiệu: bị nứt, vỡ; các rơ le điều khiển bị thiếu; ắc quy không hoạt động.

Điều 9. Kiểm tra chất lượng Xe trong quá trình sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu

1. Đối với Xe sản xuất, lắp ráp

a) Cơ sở sản xuất chỉ được tiến hành sản xuất, lắp ráp các Xe tiếp theo sau khi đã được cấp Giấy chứng nhận và phải đảm bảo các Xe này phù hợp với hồ sơ đăng ký, mẫu điển hình đã được thử nghiệm. Cơ sở sản xuất phải chịu trách nhiệm về nguồn gốc, xuất xứ, chất lượng các Xe xuất xưởng;

b) Từng Xe sản xuất hàng loạt phải được Cơ sở sản xuất kiểm tra chất lượng xuất xưởng (sau đây gọi tắt là kiểm tra xuất xưởng);

c) Căn cứ vào Giấy chứng nhận đã cấp và kết quả kiểm tra xuất xưởng, Cơ sở sản xuất lập danh sách các Xe xuất xưởng gửi Cơ quan QLCL. Trong phạm vi không quá 02 ngày làm việc, Cơ sở sản xuất nhận Tem hợp quy.

d) Tem hợp quy phải được dán cho từng Xe xuất xưởng, tại vị trí trên khung, phía bên phải, nơi dễ thấy và khó bị phá hủy. Trường hợp phát hiện có dấu hiệu vi phạm, Cơ quan QLCL có thể tiến hành kiểm tra, giám sát việc dán Tem hợp quy cho các Xe xuất xưởng.

đ)[15] Các xe đã được kiểm tra xuất xưởng và dán tem hợp quy khi đưa ra thị trường phải được cung cấp tài liệu hướng dẫn sử dụng (trong đó có thể hiện thông số kỹ thuật cơ bản của xe và hướng dẫn sử dụng xe), Phiếu bảo hành sản phẩm (ghi rõ điều kiện và địa chỉ các cơ sở bảo hành).

2. Đối với Xe nhập khẩu

a) Căn cứ vào Giấy chứng nhận đã cấp cho lô Xe nhập khẩu, Cơ sở nhập khẩu nhận Tem hợp quy.

b) Tem hợp quy phải được dán cho từng Xe tại vị trí trên khung, phía bên phải, nơi dễ thấy và khó bị phá hủy. Cơ quan QLCL thực hiện kiểm tra, giám sát việc dán Tem hợp quy cho các Xe trong lô.

3. Tem hợp quy

---

[15] Điểm này được bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 5 của Thông tư số 49/2023/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ và xe đạp điện sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2024

a) Kích thước, nội dung của Tem hợp quy được quy định tại Phụ lục IV kèm theo Thông tư này.

b) Màu sắc, hoa văn, vân nền và chất liệu của Tem hợp quy do Cơ quan QLCL quy định chi tiết.

Điều 10. Kiểm tra chất lượng Xe lưu thông trên thị trường

1. Cơ sở sản xuất, Cơ sở nhập khẩu có trách nhiệm đảm bảo chất lượng các Xe của mình trong quá trình đưa ra lưu thông trên thị trường.

2. Cơ quan QLCL căn cứ vào kế hoạch kiểm tra và diễn biến chất lượng Xe trên thị trường, tiến hành kiểm tra chất lượng Xe đang bán trên thị trường theo phương thức sau:

a) Kiểm tra sự phù hợp của Xe với hồ sơ đăng ký;

b) Nếu xét thấy Xe có dấu hiệu không phù hợp thì tiến hành lấy mẫu để thử nghiệm tại Cơ sở thử nghiệm.

3. Kết quả kiểm tra Xe lưu thông trên thị trường là một trong những căn cứ để Cơ quan QLCL yêu cầu Cơ sở sản xuất, Cơ sở nhập khẩu thực hiện triệu hồi Xe.

Điều 11. Đánh giá hàng năm, đánh giá bổ sung Giấy chứng nhận

1. Hàng năm, căn cứ vào nhu cầu của Cơ sở sản xuất, Cơ quan QLCL tiến hành đánh giá các Giấy chứng nhận đã cấp theo nội dung sau:

a) Đánh giá COP theo quy định tại Điều 6 của Thông tư này;

b) Lấy mẫu ngẫu nhiên trong số các Xe cùng kiểu loại tại Cơ sở sản xuất, yêu cầu thử nghiệm mẫu tại địa điểm thử nghiệm theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng. Cơ sở sản xuất có trách nhiệm chuyển mẫu tới địa điểm thử nghiệm.

2. Cơ sở sản xuất phải tiến hành các thủ tục chứng nhận bổ sung khi các quy định, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia liên quan đến kiểu loại Xe đã được chứng nhận thay đổi hoặc khi Xe có các thay đổi ảnh hưởng tới sự phù hợp của kiểu loại Xe đó so với quy định, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng. Cơ sở sản xuất nộp bổ sung các tài liệu sau:

a) Các tài liệu liên quan tới sự thay đổi của Xe;

b) Báo cáo kết quả thử nghiệm lại Xe theo các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia mới.

3. Giấy chứng nhận Xe sản xuất, lắp ráp sẽ không còn giá trị khi:

a) Xe không còn thỏa mãn các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành hoặc Xe có sự thay đổi, không phù hợp với hồ sơ đăng ký chứng

nhận, Giấy chứng nhận đã cấp mà Cơ sở sản xuất không thực hiện việc chứng nhận bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Cơ sở sản xuất vi phạm nghiêm trọng các quy định liên quan đến việc kiểm tra chất lượng Xe;

c) Cơ sở sản xuất không thực hiện việc triệu hồi đối với Xe bị lỗi kỹ thuật theo quy định tại khoản 4 Điều 13 của Thông tư này.

Các giấy chứng nhận không còn giá trị được thông báo cho Cơ sở sản xuất bằng văn bản và công bố trên trang thông tin điện tử của Cơ quan QLCL.

d)[16] Cơ sở sản xuất giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật.

đ)[17] Cơ sở sản xuất giả mạo các tài liệu, khai báo không đúng các thông tin về thông số kỹ thuật, tính năng của kiểu xe trong hồ sơ đăng ký chứng nhận ảnh hưởng đến kết quả đã thực hiện chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của kiểu loại xe.

e)[18] Kiểu loại sản phẩm bị tạm dừng xuất xưởng quá 06 tháng theo quy định tại khoản 4 Điều này mà Cơ sở sản xuất vẫn không khắc phục được lỗi vi phạm.

4.[19] Tạm dừng xuất xưởng của kiểu loại sản phẩm

---

[16] Điểm này được bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 5 của Thông tư số 49/2023/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ và xe đạp điện sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2024

[17] Điểm này được bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 5 của Thông tư số 49/2023/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ và xe đạp điện sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2024

[18] Điểm này được bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 5 của Thông tư số 49/2023/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ và xe đạp điện sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2024

[19] Khoản này được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 5 của Thông tư số 49/2023/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ và xe đạp điện sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2024

Cơ quan QLCL thông báo bằng văn bản yêu cầu cơ sở sản xuất tạm dừng xuất xưởng sản phẩm và tạm dừng cấp tem hợp quy (tạm dừng xuất xưởng) đối với kiểu loại sản phẩm thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Cơ sở sản xuất vi phạm một trong các lỗi: không duy trì việc đảm bảo chất lượng theo quy định; không thực hiện đầy đủ việc kiểm tra chất lượng sản phẩm theo quy trình và hướng dẫn kiểm tra chất lượng của cơ sở sản xuất đã ban hành; quản lý và sử dụng tem hợp quy không đúng quy định; không lập đầy đủ hồ sơ xuất xưởng cho xe theo quy định; không phối hợp trong việc thực hiện kiểm tra, đánh giá đột xuất, xác minh lỗi của sản phẩm;

b) Xe xuất xưởng không đạt quy chuẩn kỹ thuật, không phù hợp với hồ sơ đăng ký chứng nhận chất lượng và mẫu điển hình của kiểu loại sản phẩm đã được cấp Giấy chứng nhận;

c) Vi phạm quy định liên quan đến sở hữu trí tuệ theo thông báo của cơ quan có thẩm quyền.

5.[20] Trong thời hạn bị tạm dừng xuất xưởng theo quy định tại khoản 4 Điều này, Cơ sở sản xuất không được thực hiện xuất xưởng và cấp tem hợp quy cho xe của kiểu loại đang bị tạm dừng để đưa ra thị trường, phải thực hiện khắc phục các lỗi vi phạm trong thời gian tối đa 06 tháng kể từ ngày Cơ quan QLCL thông báo yêu cầu tạm dừng xuất xưởng. Cơ quan QLCL sẽ xem xét, kiểm tra sau khi Cơ sở sản xuất thông báo về việc đã khắc phục các lỗi vi phạm; nếu các lỗi vi phạm đã được khắc phục thì Cơ quan QLCL hủy bỏ việc tạm dừng xuất xưởng và thông báo bằng văn bản cho Cơ sở sản xuất; nếu quá thời gian quy định nêu trên mà Cơ sở sản xuất vẫn chưa khắc phục được các lỗi vi phạm thì Giấy chứng nhận đã cấp cho kiểu loại sản phẩm sẽ không còn giá trị theo quy định tại khoản 3 Điều này.

Chương III
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 12. Trách nhiệm của Cục Đăng kiểm Việt Nam

1. Căn cứ vào chức năng và nhiệm vụ được giao, hướng dẫn nghiệp vụ kiểm tra theo quy định của Thông tư này.

---

[20] Khoản này được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 5 của Thông tư số 49/2023/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ và xe đạp điện sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2024

2. Thống nhất phát hành, quản lý và hướng dẫn sử dụng đối với các Giấy chứng nhận và Tem hợp quy.

3. Công bố danh sách các Cơ sở thử nghiệm thực hiện việc thử nghiệm phục vụ cho công tác chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật trên trang thông tin điện tử của Cơ quan QLCL.

4. Tổ chức kiểm tra, thanh tra theo định kỳ hoặc đột xuất đối với việc thực hiện đảm bảo chất lượng của Cơ sở sản xuất.

5. Tổng hợp kết quả thực hiện công tác kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật Xe để báo cáo Bộ Giao thông vận tải theo quy định.

Điều 13. Trách nhiệm của Cơ sở sản xuất, Cơ sở nhập khẩu

1. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ tài liệu đã cung cấp cho Cơ quan QLCL.

2. Hợp tác đầy đủ với Cơ quan QLCL trong quá trình thanh tra, kiểm tra về chất lượng Xe.

3. Chỉ được đưa Xe ra lưu thông trên thị trường sau khi đã được dán Tem hợp quy. Có trách nhiệm cấp cho từng Xe tài liệu hướng dẫn sử dụng, phiếu bảo hành Xe.

4.[21] Thực hiện việc triệu hồi đối với xe sản xuất, lắp ráp theo quy định tại Điều 16 của Thông tư số 25/2019/TT-BGTVT ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong sản xuất, lắp ráp ô tô hoặc thực hiện việc triệu hồi đối với xe nhập khẩu theo quy định tại khoản 2 Điều 8 của Thông tư số 03/2018/TT-BGTVT ngày 10 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với ô tô nhập khẩu thuộc đối tượng của Nghị định số 116/2017/NĐ-CP.

5. Cơ sở sản xuất phải xây dựng hệ thống quản lý chất lượng nhằm đảm bảo việc duy trì chất lượng các Xe sản xuất hàng loạt.

6. Cơ sở nhập khẩu phải xuất trình nguyên trạng Xe để Cơ quan QLCL thực hiện việc kiểm tra, thử nghiệm tại địa điểm đã được thống nhất với Cơ quan QLCL.

---

[21] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 5 của Thông tư số 49/2023/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ và xe đạp điện sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2024

7. Chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu vi phạm quy định về quyền sở hữu công nghiệp đang được bảo hộ.

Điều 14. Phí và lệ phí

Cơ quan QLCL và Cơ sở thử nghiệm được thu các khoản thu theo quy định của Bộ Tài chính.

Điều 15. Hiệu lực thi hành[22]

---

[22] Điều 4 của Thông tư số 19/2014/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2009/TT-BGTVT ngày 15/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng, Thông tư số 44/2012/TT-BGTVT ngày 23/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe mô tô, xe gắn máy nhập khẩu và động cơ nhập khẩu sử dụng để sản xuất, lắp ráp xe mô tô, xe gắn máy và Thông tư số 41/2013/TT-BGTVT ngày 05/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật xe đạp điện, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2014, quy định như sau:

*"**Điều 4. Hiệu lực thi hành***

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2014."

Điều 10 của Thông tư số 42/2018/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2018, quy định như sau:

*"**Điều 10. Hiệu lực thi hành***

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2018.

2. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./."

Điều 11 của Thông tư số 16/2022/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2022 quy định như sau:

*"**Điều 11. Điều khoản thi hành***

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2022.

2. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./."

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh kịp thời về Bộ Giao thông vận tải để xem xét, giải quyết./."

Điều 10 và Điều 11 của Thông tư số 49/2023/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ và xe đạp điện sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2024 quy định như sau:

"Điều 10. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2024.

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2014.

2. Đối với các Xe đã được sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì không phải áp dụng các quy định của Thông tư này.

3. Trong trường hợp các văn bản, tài liệu tham chiếu trong Thông tư này có sự thay đổi, bổ sung, chuyển đổi thì áp dụng theo văn bản mới.

---

2. Các xe đạp điện nhập khẩu; xe mô tô, xe gắn máy nhập khẩu và động cơ xe mô tô, xe gắn máy nhập khẩu có thời điểm về đến cảng, cửa khẩu Việt Nam trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì thực hiện như sau:

a) Xe đạp điện nhập khẩu thực hiện theo quy định tại Thông tư số 41/2013/TT-BGTVT, Thông tư số 19/2014/TT-BGTVT, Thông tư số 42/2018/TT-BGTVT và Thông tư số 16/2022/TT-BGTVT;

b) Xe mô tô, xe gắn máy nhập khẩu và động cơ mô tô, xe gắn máy nhập khẩu thực hiện theo quy định tại Thông tư số 44/2012/TT-BGTVT, Thông tư số 19/2014/TT-BGTVT và Thông tư số 42/2018/TT-BGTVT.

3. Hồ sơ thẩm định thiết kế, hồ sơ đăng ký sản phẩm hoặc hồ sơ đăng ký chứng nhận của các kiểu loại xe cơ giới, xe đạp điện sản xuất, lắp ráp và các linh kiện sử dụng cho xe cơ giới đã nộp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì thực hiện như sau:

a) Xe ô tô sản xuất, lắp ráp thuộc đối tượng của Nghị định số 116/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định điều kiện sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu và kinh doanh dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng ô tô (sau đây gọi là Nghị định số 116/2017/NĐ-CP) và linh kiện sử dụng cho ô tô thực hiện theo các quy định tại Thông tư số 25/2019/TT-BGTVT;

b) Xe ô tô sản xuất, lắp ráp không thuộc đối tượng của Nghị định số 116/2017/NĐ-CP, rơ moóc và sơ mi rơ moóc và linh kiện sử dụng cho ô tô thực hiện theo các quy định tại Thông tư số 30/2011/TT-BGTVT, Thông tư số 54/2014/TT-BGTVT và Thông tư số 16/2022/TT-BGTVT;

c) Xe mô tô, xe gắn sản xuất, lắp ráp và linh kiện sử dụng cho mô tô, xe gắn máy thực hiện theo quy định tại Thông tư số 45/2012/TT-BGTVT, Thông tư số 42/2018/TT-BGTVT và Thông tư số 16/2022/TT-BGTVT;

d) Xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ sản xuất, lắp ráp và linh kiện sử dụng cho chở hàng bốn bánh có gắn động cơ thực hiện theo quy định tại Thông tư số 16/2014/TT-BGTVT, Thông tư số 42/2018/TT-BGTVT và Thông tư số 16/2022/TT-BGTVT;

đ) Xe đạp điện sản xuất, lắp ráp thực hiện theo quy định tại Thông tư số 41/2013/TT-BGTVT, Thông tư số 19/2014/TT-BGTVT, Thông tư số 42/2018/TT-BGTVT và Thông tư số 16/2022/TT-BGTVT;

e) Xe chở người bốn bánh có gắn động cơ sản xuất, lắp ráp thực hiện theo quy định tại Thông tư số 86/2014/TT-BGTVT, Thông tư số 42/2018/TT-BGTVT và Thông tư số 16/2022/TT-BGTVT;

g) Xe máy chuyên dùng sản xuất, lắp ráp thực hiện theo quy định tại Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT, Thông tư số 42/2018/TT-BGTVT và Thông tư số 23/2020/TT-BGTVT.

Điều 11. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./. ”

Điều 16. Tổ chức thực hiện[23]

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng các Vụ, Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI **XÁC NHẬN VĂN BẢN HỢP NHẤT**

Số: 29/VBHN-BGTVT

Hà Nội, ngày 31 tháng 7 năm 2024

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Duy Lâm

[23] Điều 5 của Thông tư số 19/2014/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2009/TT-BGTVT ngày 15/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng, Thông tư số 44/2012/TT-BGTVT ngày 23/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe mô tô, xe gắn máy nhập khẩu và động cơ nhập khẩu sử dụng để sản xuất, lắp ráp xe mô tô, xe gắn máy và Thông tư số 41/2013/TT-BGTVT ngày 05/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật xe đạp điện, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2014, quy định như sau:

*"**Điều 5. Tổ chức thực hiện***

1. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng thuộc Bộ, Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

PHỤ LỤC I

MẪU - BẢN ĐĂNG KÝ THÔNG SỐ KỸ THUẬT XE ĐẠP ĐIỆN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2013/TT-BGTVT ngày 05 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

BẢN ĐĂNG KÝ THÔNG SỐ KỸ THUẬT XE ĐẠP ĐIỆN

(Technical specifications of electric bicycles)

1.	Tên và địa chỉ của Cơ sở sản xuất, nhập khẩu *(Name and address of manufacturer, importer)*	:
2.	Nhãn hiệu Xe *(Mark)*	:
3.	Số loại *(Model code)*	:
4.	Khối lượng bản thân *(Kerb weight - weight of vehicle in running order)*	:
4.1.	Phân bố lên bánh trước *(on front)* (kg)	:
4.2.	Phân bố lên bánh sau *(on rear)* (kg)	:
5.	Số người cho phép chở kể cả người lái *(Number of seating positions)*	:
6.	Khối lượng toàn bộ *(Gross weight)* (kg) *	:
6.1.	Phân bố lên bánh trước *(on front)* (kg)	:
6.2.	Phân bố lên bánh sau *(on rear)* (kg)	:
7.	Kích thước *(Dimensions)*	
7.1.	Kích thước bao Dài x Rộng x Cao *(Overall dimensions: L x W x H)* (mm)	:
7.2.	Chiều dài cơ sở *(Wheel base)* (mm)	:
8.	Động cơ *(Engine)*	
8.1.	Loại động cơ *(Type)*	:
8.2.	Kiểu động cơ *(Engine model)*	:
8.3.	Công suất lớn nhất *(Max power)* (W)	:
8.4.	Điện áp danh định *(Operating voltage)* (V)	:
8.5.	Bố trí động cơ trên xe *(Position and arrangement of engine)*	:
9.	Ắc quy *(Batteries)*	
9.1.	Điện áp danh định *(Voltage)* (V)	:
9.2.	Dung lượng danh định *(Capacity of Batteries)* (Ah)	:

10. Lốp xe *(Tyre)*

10.1. Cỡ lốp trước *(Front tyre)*, áp suất *(Pressure)* :

10.2. Cỡ lốp sau *(Rear type)*, áp suất *(Pressure)* :

11. Tốc độ lớn nhất *(Max speed)* (km/h) :

12. Quãng đường đi được khi ắc quy nạp đầy điện *(Distance traveled when battery is fully charged)* (km) :

13. Tiêu hao năng lượng điện sau 100 km *(Electricity consumption per 100 kilometers)* (kWh) :

14. Giá trị điện áp bảo vệ *(Voltage protection)* (V) :

15. Giá trị dòng điện bảo vệ *(Current protection)* (A) :

16. Số lượng đèn chiếu sáng phía trước *(Number of headlamps)* :

17. Số lượng tấm phản quang sau *(Number of rear reflectors)* :

18. Thuyết minh phương pháp và vị trí đóng số khung (nếu có) *(Description of method and location made frame number (if any))* :

19. Thuyến minh phương pháp và vị trí đóng số động cơ (nếu có) *(Description of method and location made engine number (if any))* :

20. Vị trí dán Tem hợp quy *(Position of Conformity Regulation Stamp)* :

21. Ảnh chụp kiểu dáng *(Photos of a typical bicycle)* :

Dán ảnh chụp kiểu dáng xe vào đây và đóng dấu giáp lai Yêu cầu: Ảnh màu cỡ 10 x 15 cm, chụp ngang xe bên phải (đầu xe quay sang phải), phông nền sạch sẽ, đồng màu.

*Ghi chú: *: Khối lượng tính toán cho một người được xác định theo quy định của nhà sản xuất nhưng không nhỏ hơn 65 kg.*

Chúng tôi cam kết bản đăng ký thông số kỹ thuật này là chính xác và chịu hoàn toàn trách nhiệm về các vấn đề phát sinh do khai sai hoặc khai không đủ nội dung.

Người đứng đầu Cơ sở sản xuất, nhập khẩu
(Ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC II[24]

Mẫu - BẢN ĐĂNG KÝ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG XE ĐẠP ĐIỆN NHẬP KHẨU

(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2013/TT-BGTVT ngày 05 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

BẢN ĐĂNG KÝ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG AN TOÀN KỸ THUẬT XE ĐẠP ĐIỆN NHẬP KHẨU

(Application form for technical safety quality inspection for imported electric bicycles)

Kính gửi (To): **Cục Đăng kiểm Việt Nam**

Người nhập khẩu*(Importer)*:

Địa chỉ*(Address)*:

Mã số thuế *(Tax code)***:** **Thư điện tử** *(Email):*

Người đại diện *(Representative):* **Số điện thoại** *(Telephone N⁰)*

Đăng ký kiểm tra Nhà nước về chất lượng an toàn kỹ thuật xe đạp điện nhập khẩu với các nội dung sau *(Request for technical safety quality inspection for inported electric bicycles with the following contents)*:

Hồ sơ kèm theo *(Attached document)*:

+ Số lượng Bản thông tin xe đạp điện *(Quannity of Information sheet)*:

+ Số lượng xe *(Quantity of electric bicycles)*:

+ Các giấy tờ khác *(Other related documents)*:

Thời gian và Địa điểm kiểm tra dự kiến *(Anticipated inspection site and date)*:

Người liên hệ *(Contact person)*:

Số điện thoại *(Telephone N⁰)*: **Thư điện tử** *(Email):*

[24] Phụ lục này được thay thế bằng Phụ lục IV của Thông tư số 42/2018/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2018.

Chúng tôi xin cam đoan và chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của các nội dung đã khai báo trong Hồ sơ đăng ký kiểm tra đồng thời cam kết chất lượng hàng hóa nhập khẩu phù hợp với quy định hiện hành. (*We undertake and bear full responsibility for the legality of the contents declared in the Application Form for Inspection, as well as commit to the quality of the imported goods in accordance with the current regulations*).

Xác nhận của Cơ quan kiểm tra	*(Date) , ngày tháng năm*
Số đăng ký kiểm tra:	**Người nhập khẩu**
(Registered N^{0} for inspection)	*(Importer)*
(Date) , ngày tháng năm	
Đại diện Cơ quan kiểm tra	
(Inspection Body)	

B. MẪU BẢN KÊ CHI TIẾT XE ĐẠP ĐIỆN NHẬP KHẨU BẢN KÊ CHI TIẾT XE ĐẠP ĐIỆN NHẬP KHẨU
(List of imported electric bicycles)

(Kèm theo Bản đăng ký kiểm tra số (*Attached to Application form with Registered N^{0})*:

Số TT *(N^{0})*	**Loại xe** (*Vehicle type*)	**Nhãn hiệu/Tên thương mại** *(Trade mark/ Commercial name)*	**Số khung (hoặc số VIN)** *(Chassis or VIN N^{0})*	**Số động cơ** *(Motor N^{0})*	**Năm sản xuất** *(Production year)*	**Màu sơn** *(Color)*	**Giá NK** *(Unit Price)*	**Loại tiền tệ** *(Currency)*	**Tình trạng phương tiện** *(Vehicle's status)*
1.		/							
2.		/							
3.		/							
4.		/							
5.		/							
6.		/							
7.		/							

Chúng tôi cam kết giá nhập khẩu ở trên là đúng giá nêu tại Hóa đơn thương mại, các thông tin còn lại là phù hợp với xe nhập khẩu thực tế.

C. MẪU BẢN XÁC NHẬN KẾ HOẠCH KIỂM TRA
BẢN XÁC NHẬN KẾ HOẠCH KIỂM TRA
(CONFIRMATION OF INSPECTION SCHEDULE)

Người nhập khẩu *(Importer)*:

Số đăng ký kiểm tra *(Registered N^{0} for inspection):*

Số/ngày Tờ khai hàng hóa nhập khẩu *(Customs declaration N^{0}/date)*: /
(Đối với xe ngoài khu vực giám sát hải quan)

Mã chi cục Hải quan (*Customs office code*):

Thời gian kiểm tra *(Inspection date):* Địa điểm kiểm tra *(Inspection site)*:

Người liên hệ *(Contact person)*: Số điện thoại *(Telephone N^{0})*:

TT	**Loại xe** *(Vehicle type)*	**Nhãn hiệu/Tên thương mại** *(Trade mark/ Commercial name)*	**Số khung (hoặc số VIN)** *(Chassis or VIN N^{0})*	**Số động cơ** *(Engine N^{0})*	**Ghi chú** *(Remarks)*
1		/			
2		/			
3		/			
4		/			
5		/			
6		/			

PHỤ LỤC IIIa

Mẫu - GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG AN TOÀN KỸ THUẬT XE ĐẠP ĐIỆN SẢN XUẤT, LẮP RÁP

(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2013/TT-BGTVT ngày 05 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI **CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM** -------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

Số *(Nº)*: ……..

GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG AN TOÀN KỸ THUẬT XE ĐẠP ĐIỆN SẢN XUẤT, LẮP RÁP

TYPE APPROVAL CERTIFICATE FOR ASSEMBLED ELECTRIC BICYCLES

Cấp theo Thông tư số 41/2013/TT-BGTVT ngày 05/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải

Căn cứ Hồ sơ đăng ký số: Ngày / /

Pursuant to the Technical document Nº *Date*

Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng:

Regulation applied

Căn cứ Báo cáo kết quả đánh giá điều kiện đảm bảo chất lượng số: Ngày / /

Pursuant to the results of C.O.P Testing record Nº *Date*

Căn cứ Báo cáo kết quả thử nghiệm số: Ngày / /

Pursuant to the results of Testing record Nº *Date*

CỤC TRƯỞNG CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM CHỨNG NHẬN

General Director of Vietnam Register hereby approves that

Loại xe *(Vehicle type)*:

Nhãn hiệu *(Mark)*: Số loại *(Model code)*:

Mã số khung *(Frame number code)*:

Khối lượng bản thân *(Kerb weight)*: kg

Phân bố lên: - Bánh trước *(on front)*: kg - Bánh sau *(on rear)*: kg

Số người cho phép chở kể cả người lái *(Seating capacity including driver)*: người

Khối lượng toàn bộ *(Gross weight)*: kg

Kích thước bao: Dài x Rộng x Cao *(Overall dimensions: L x W x H)*: mm

Chiều dài cơ sở *(Wheel base)*: mm

Kiểu động cơ *(Engine model)*: Loại *(Type)*:

Công suất lớn nhất của động cơ/ tốc độ quay *(Mas. output/ rpm)*: W/r/min

Loại ắc quy *(Type of battery)*:

Cỡ lốp *(Tyre size)*: Lốp trước *(front tyre)*: Lốp sau *(rear tyre)*:

Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất *(Name and address of manufacturer)*:

Tên, địa chỉ xưởng lắp ráp *(Name and address of assembly plant)*:

Kiểu loại Xe nói trên phù hợp với QCVN 68:2013/BGTVT

The electric bicycle type is in compliance with QCVN 68:2013/BGTVT

Ghi chú:

Hà Nội, ngày tháng năm (Date)

CỤC TRƯỞNG CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM

Vietnam Register

General Director

PHỤ LỤC IIIb

Mẫu - GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG AN TOÀN KỸ THUẬT XE ĐẠP ĐIỆN NHẬP KHẨU

(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2013/TT-BGTVT ngày 05 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI **CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM** --- MINISTRY OF TRANSPORT VIETNAM REGISTER Số *(N°)*: ……..	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** --- SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM Independence - Freedom - Happiness

GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG AN TOÀN KỸ THUẬT XE ĐẠP ĐIỆN SẢN XUẤT, LẮP RÁP

CERTIFICATE OF QUALITY CONFORMITY FOR IMPORTED ELECTRIC BICYCLES

Cấp theo Thông tư số 41/2013/TT-BGTVT ngày 05/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải

Tình trạng phương tiện *(Vehicle's status)*:

Tổ chức, cá nhân nhập khẩu *(Importer)*:

Địa chỉ *(Address)*:

Nhãn hiệu phương tiện *(Mark)*: Số loại *(Model code)*:

Nước sản xuất *(Production country)*: Năm sản xuất *(Production year)*:

Loại Xe *(Vehicle type)*:

Số tờ khai hàng nhập khẩu *(Customs declaration N°)*:

Số đăng ký kiểm tra *(Registered N° for inspection)*:

Số biên bản kiểm tra *(Inspection record N°)*: Ngày kiểm tra *(Date)*:

Số báo cáo thử nghiệm *(Test report N°)*:

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

(Technical specification)

Khối lượng bản thân *(Kerb weight)*: kg

Phân bố lên: - Bánh trước *(on front)*: kg - Bánh sau *(on rear)*: kg

Số người cho phép chở kể cả người lái *(Seating capacity including driver)*: người

Khối lượng toàn bộ *(Gross weight)*: kg

Kích thước bao: Dài x Rộng x Cao *(Overall dimensions: L x W x H)*: mm

Chiều dài cơ sở *(Wheel base)*: mm

Kiểu động cơ *(Engine model)*: Loại *(Type)*:

Công suất lớn nhất của động cơ/ tốc độ quay *(Mas. output/ rpm)*: W/r/min

Loại ắc quy *(Type of battery)*:

Cỡ lốp *(Tyre size)*: Lốp trước *(front tyre)*: Lốp sau *(rear tyre)*:

Lô Xe nói trên phù hợp với QCVN 68:2013/BGTVT

The electric bicycles are in compliance with QCVN 68:2013/BGTVT

Ghi chú:

Hà Nội, ngày tháng năm (Date)

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM *(Vietnam Register)*

Lưu ý: Giấy chứng nhận này sẽ không còn giá trị nếu chất lượng của phương tiện đã kiểm tra bị ảnh hưởng do vận chuyển, bảo quản, bốc xếp.

Note: This certificate will be expired if quality of the inspected electric bicycles are influenced by carrying, landing, storing.

PHỤ LỤC IIIc

Mẫu - THÔNG BÁO KHÔNG ĐẠT CHẤT LƯỢNG AN TOÀN KỸ THUẬT XE ĐẠP ĐIỆN NHẬP KHẨU

(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2013/TT-BGTVT ngày 05 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI **CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM** --- MINISTRY OF TRANSPORT VIETNAM REGISTER Số *(N°)*: ……..	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** --- SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM Independence - Freedom - Happiness

THÔNG BÁO KHÔNG ĐẠT CHẤT LƯỢNG AN TOÀN KỸ THUẬT XE ĐẠP ĐIỆN NHẬP KHẨU

(Notice on non-conformity of quality for imported electric bicycles)

Cấp theo Thông tư số 41/2013/TT-BGTVT ngày 05/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải

Tình trạng phương tiện *(Vehicle's status)*:

Tổ chức, cá nhân nhập khẩu *(Importer)*:

Địa chỉ *(Address)*:

Nhãn hiệu phương tiện *(Mark)*: Số loại *(Model code)*:

Nước sản xuất *(Production country)*: Năm sản xuất *(Production year)*:

Loại Xe *(Vehicle type)*:

Số tờ khai hàng nhập khẩu *(Customs declaration N°)*:

Số đăng ký kiểm tra *(Registered N° for inspection)*:

Số biên bản kiểm tra *(Inspection record N°)*: Ngày kiểm tra *(Date)*:

Số báo cáo thử nghiệm *(Test report N°)*:

Lô Xe nói trên không phù hợp với QCVN 68:2013/BGTVT

The electric bicycles are non-conformity with QCVN 68:2013/BGTVT

Lý do không đạt *(Reason of non-conformity)*

Hà Nội, ngày tháng năm (Date)

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM *(Vietnam Register)*

PHỤ LỤC IV

Mẫu - TEM HỢP QUY

(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2013/TT-BGTVT ngày 05 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

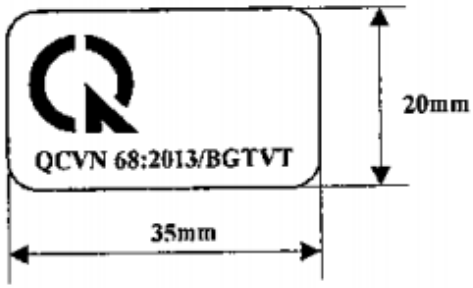

PHỤ LỤC V[25]

MẪU BIÊN BẢN GHI NHẬN TÌNH TRẠNG XE ĐẠP ĐIỆN VI PHẠM QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 187/2013/NĐ-CP

(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2013/TT-BGTVT ngày 05 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI **CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM** -------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

BIÊN BẢN GHI NHẬN TÌNH TRẠNG XE ĐẠP ĐIỆN VI PHẠM QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 187/2013/NĐ-CP

Theo đề nghị của:……..

……...

Cục Đăng kiểm Việt Nam đã tiến hành kiểm tra phương tiện sau:

- Nhãn hiệu /số loại:……..

[25] Phụ lục này được bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 3 của Thông tư số 19/2014/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2009/TT-BGTVT ngày 15/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng, Thông tư số 44/2012/TT-BGTVT ngày 23/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe mô tô, xe gắn máy nhập khẩu và động cơ nhập khẩu sử dụng để sản xuất, lắp ráp xe mô tô, xe gắn máy và Thông tư số 41/2013/TT-BGTVT ngày 05/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật xe đạp điện, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2014.

- Số khung:…….. Số động cơ:…….

- Số đăng ký kiểm tra:…….. Số tờ khai:..……

Căn cứ vào kết quả kiểm tra, các giấy tờ có liên quan và đối chiếu với quy định hiện hành, Cục Đăng kiểm Việt Nam nhận thấy phương tiện nêu trên đã vi phạm quy định tại Nghị định số 187/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ, cụ thể là:

……

……

……

……

Biên bản này được lập thành hai (02) bản chính, cơ quan kiểm tra chất lượng giữ một (01) bản và tổ chức, cá nhân nhập khẩu giữ một (01) bản.

Đại diện tổ chức, cá nhân nhập khẩu **Đại diện cơ quan kiểm tra**

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng